

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **490/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/6/2024

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Đình Tiến

2/ Ông Nguyễn Đình Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên

Trong các ngày 04 và 21 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: 295 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Trần Vũ Hà M, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: P, C/c Cộng Hòa P, A C, Phường A, quận T, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng A trình bày: Ông và bà Trần Vũ Hà M tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 214, quyển số: 2/2015 ngày 03/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống do phát sinh nhiều mâu thuẫn mọi mặt trong cuộc sống từ tiền bạc, cách cư xử trong gia đình, về cách nuôi dạy

con, kể cả các kế hoạch trong tương lai đều không phù hợp với nhau. Mọi việc trong gia đình bà M đều tự ý quyết định, hoặc nếu vợ chồng chưa thống nhất được thì bà M đều làm theo ý riêng của mình, không tôn trọng ý kiến của ông. Khi bà M có thai vợ chồng từ nước ngoài trở về nên ở nhà của ông để tiện chăm sóc nhưng chỉ khoảng 02 tuần thì bà M lấy nhiều lý do, bị stress nên chuyển ra ngoài không nói gì với ông và gia đình. Vì thương vợ con nên ông cũng chuyển ra ngoài sống với bà M. Đến khoảng tháng 9/2023 thì mâu thuẫn quá căng thẳng nên ông về nhà ông sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiên G, sinh ngày 03/01/2023. Ông đồng ý giao con chung cho bà Trần Vũ Hà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Vũ Hà M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông A trình bày là vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là không đúng, mâu thuẫn chủ yếu của hai vợ chồng là do ông A muốn bà phải sống bên nhà của ông A nhưng do những bất tiện khi sống với bên gia đình chồng (như phòng nhỏ, nóng nực, bất tiện khi sử dụng chung tầng với ba mẹ chồng...) nên bà không muốn sống chung, nhưng ông A vẫn không đồng ý và chỉ muốn ở đó. Bà nhận thấy hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn quá lớn nên bà không đồng ý ly hôn, nếu hiện tại ông A muốn bà và con về ở với gia đình nhà chồng thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiên G, sinh ngày 03/01/2023. Đối với yêu cầu của ông A về phần con chung thì do không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến vì muốn con có đủ cha mẹ.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Minh xác đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng A trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà M; về con chung: do con còn nhỏ ông đồng ý để bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng cho con mức 10.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Vũ Hà M trình bày: Bà không đồng ý ly hôn với ông A; nếu ông A quyết tâm ly hôn bà yêu cầu nuôi con, hiện nay bà đang nuôi con với mức chi phí tầm 27.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên mức thu nhập của ông A là 50.000.000 đồng/tháng nên bà yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con 30% mức thu nhập tương ứng số tiền 15.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

về tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hùng A xin ly hôn với bà Trần Vũ Hà M cư trú tại địa chỉ P, C/c Cộng Hòa P, A C, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 214, quyền số: 2/2015 ngày 03/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hùng A và bà Trần Vũ Hà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A xác định không còn tình cảm với bà M và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà M vì mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống ly thân, không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Xét bà M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để các bên hòa giải với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông A và bà M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, những mâu thuẫn giữa vợ, chồng sâu sắc đến mức không thể hòa giải được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiên G, sinh ngày 03/01/2023. Ông A đồng ý giao con chung cho bà Trần Vũ Hà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 10.000.000 đồng kể từ tháng 9/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà M có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng yêu cầu ông A cấp dưỡng 15.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2023 đến tháng 6/2024 và từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét trẻ Nguyễn Trần Thiên G, sinh ngày 03/01/2023 dưới 36 tháng, hiện nay đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cũng đồng ý giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng nên giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ hợp đồng lao động của ông A với Công ty TNHH P thì mức lương hàng tháng của ông M theo hợp đồng là 6.500.000 đồng, ngoài ra ông còn được hưởng thêm tiền thưởng theo sản phẩm làm ra nên không ổn định hàng tháng, ông xác nhận thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng nên ông chỉ có thể cấp dưỡng cho con với mức tối đa là 10.000.000 đồng/tháng.

Bà M có lập bảng kê chi tiết chi phí nuôi dưỡng bé Thiên G trong tháng 6/2024 với mức chi phí là 27.000.000 đồng nên yêu cầu ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 15.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà M đưa ra các chi phí không phù hợp với thời điểm bà yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 9/2023, cụ thể bé Thiên G đi học từ tháng 6/2024 và hợp đồng thuê người giúp việc từ tháng 5/2024, các chi phí này đều mới phát sinh. Ngoài ra, các chi phí bà M đưa ra tại bảng kê chi tiết vượt quá nhu cầu thiết yếu để nuôi dưỡng một em bé từ 8 đến 17 tháng tuổi nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét ông A đồng ý giao con chung cho bà Trần Vũ Hà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 10.000.0000 kể từ tháng 9/2023 đến tháng 6/2024 tương ứng với số tiền 100.000.000 đồng và từ tháng 7/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hùng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Án lệ số 62/2023/AL;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hùng A được ly hôn với bà Trần Vũ Hà M.
- Về con chung: Bà Trần Vũ Hà M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thiên G, sinh ngày 03/01/2023; ông Nguyễn Hùng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 10.000.000 đồng kể từ tháng 9/2023 đến tháng 6/2024 là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiếp tục cấp dưỡng từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hùng A phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001046 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hùng A phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- CC THADS QTB;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân